TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **11**/2019/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 23 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 226/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa :

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc B – sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 38, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Đan Quốc V – sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 38, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc B và anh Đan Quốc V chung sống với nhau và được UBND xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/6/2015. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị B, anh V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị B, anh V có 01 người con chung là Đan Ngọc Nhã U, giới tính: Nữ, sinh ngày 03/8/2016. Anh, chị thỏa thuận giao con cho chị B trực tiếp

nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh V đồng ý cấp dưỡng cho con định kỳ mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Anh V đồng ý cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng tháng đầu tiên vào ngày 15/02/2019. Chị B đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của anh V theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh, chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Ngọc B về việc chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng. Sau khi đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007699 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, chị B không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).